

Phú Yên, ngày 22 tháng 05 năm 2014

BÁO CÁO
Đánh giá tình hình tài chính năm 2013

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên
- Sở Tài chính Phú Yên.

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 V/v hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN do nhà nước làm chủ sở hữu và DN có vốn nhà nước;

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại đơn vị,

Công ty TNHH MTV Cảng Vũng Rô báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động năm 2013 như sau:

1. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

1.1 Tình hình đầu tư mua sắm tài sản cố định trong năm 2013 (Biểu 01-mẫu số 01).

Do nhu cầu cần thiết và cấp bách để đáp ứng lượng hàng hóa thông qua Cảng cũng như qua kho trong khi các phương tiện tham gia vận chuyển hiện nay là đơn lẻ không đáp ứng được. Do đó trong tháng 04 cao điểm công ty đã chủ động đầu tư mua thêm 02 xe tải trung chuyển và gàu ngoạm 2 dây 2,3 m3 với tổng số tiền: 323 triệu đồng từ nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Kết quả sản lượng trung chuyển của Công ty thực hiện là 17.961 tấn.

1.2 Trong năm công ty không có huy động vốn và đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

Trong năm Công ty không vay ngân hàng chỉ tập trung thu hồi vốn trả nợ ngân hàng.

1.3 Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, phải trả:

Phần tài sản: Bao gồm tài sản cố định hữu hình và vô hình. TSCĐ hữu hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, riêng bến liên bờ và công hộp thoát nước mua công ty chưa tính trích khấu hao

do không tham gia vào hoạt động SXKD và TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được khấu hao trong 50 năm/theo thời gian giao đất.

Phân công nợ phải thu: Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2013 là: 51.562.196.267 đ. Trong đó nợ phải thu khó đòi: 50.812.716.701đ và lũy kế trích lập dự phòng khó đòi đến nay : 17.123.780.442 đ. Bao gồm:

TT	Tên khách hàng	Nợ phải thu khó đòi	Đã trích dự phòng khó đòi
1	CTCP nông sản Đỗ Gia	25.114.078	25.114.078
2	Cty TNHH Hưng Thịnh	32.026.995	32.026.995
3	CTCP TM Ngọc Khánh	11.584.960	11.584.960
4	DNTN DVVT & TM Quốc Dân	312.125.986	218.488.190
5	Cty TNHH SXTM Đại Lộc	49.954.996.739	16.359.698.276
6	Cty TNHH Nguồn tiếp vận Song Long	31.367.943	31.367.943
7	Cty TNHH SXTM Vinh Phát Đạt	445.500.000	445.500.000
	Cộng	50.812.716.701	17.123.780.442

Phân công nợ phải trả:

-Nợ phải trả khách hàng đến 31/12/2013 là: 5.583.708.882 đ. Trong đó nợ quá hạn : 5.513.494.617 đ chủ yếu là 02 khách hàng của chi nhánh Tp HCM (Hưng Gia Nguyễn: 4.607.334.501đ và Liên An: 906.160.116đ). Khoản nợ này khách hàng đã làm đơn tranh chấp ra tòa tại Tòa án Tp Tuy Hòa, vụ việc Tòa án đang thụ lý hòa giải.

-Nợ phải trả ngân hàng:

Tiền gốc: 32.426.495.256 đ; Tiền lãi vay, phạt: 2.585.546.603 đ

+ Ngân hàng TMCP Công Thương Phú Yên:

Tiền gốc: 11.859.644.328 đ Lãi vay, phạt(30/06/2013):1.123.438.520 đ

+ Ngân hàng TMCP ĐT & PT Phú Yên:

Tiền gốc: 20.566.850.928 đ Lãi vay, phạt(30/06/2013):1.462.108.083 đ

Khoản nợ của 02 ngân hàng trên công ty đã chủ động làm việc với lãnh đạo của 02 ngân hàng đề nghị khoan nợ gốc , xóa nợ lãi, lãi phạt và cho giãn nợ : Đối với ngân hàng TMCP Công Thương với thời hạn 03 năm, nhưng Ngân hàng công thương PY chỉ thống nhất giãn nợ đến ngày 30/09/2013 và đối với Ngân hàng

TMCP ĐT & PT PY với thời hạn 06 năm. Trong năm Công ty đã xảy ra vụ án Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, vụ việc đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, hiện chờ các cơ quan chức năng tiến hành kết thúc vụ án, xét xử và xác định số tiền thu hồi để xây dựng phương án xử lý nợ tiếp theo.

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn (Biểu 06-Mẫu 01).

Tình hình kinh doanh dịch vụ Cảng biển tại Vũng Rô ngày càng ổn định và phát triển, sản lượng hàng hóa thông qua Cảng ngày càng tăng, lợi nhuận nếu tính riêng cho hoạt động Cảng trong năm 2013 là 5,9 tỷ. Về sản lượng hàng hóa thông qua Cảng đạt 110% và chỉ tiêu lợi nhuận của Cảng Vũng Rô đạt 492% so với kế hoạch giao. Đây là năm hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cảng Vũng Rô đạt cao nhất từ khi thành lập Cảng cho đến nay và vượt so với kế hoạch năm 2013. Và cũng là năm khó khăn nhất đối với tài chính của Chi nhánh Tp HCM đã làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất chung của toàn Công ty để lại khoản nợ phải thu khó đòi của Công ty TNHH SX & TM Đại Lộc rất lớn với số tiền: 49.954.996.739 đ nên ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận chung của toàn công ty.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính năm 2013 (Biểu 03-Mẫu 01).

1.1 Tình hình SXKD:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	KH ₀ 2013	Thực hiện	Tỉ lệ %	Ghi chú
110		Tấn	440.000	482.788		
2	Doanh thu :	Tr. đ	23.100	30.21		
	- Cảng	“	21.100	24.194	115	
	- Tàu lai Vũng Rô 01	“	2.000	1.406	70	
	- Chi nhánh TP HCM	“		4.619		
3	Lợi nhuận :	“	1,200	0		
	- Cảng	“	1.200	5.906	492	
	- Chi nhánh TP HCM	“		-5.906		
4	Nộp ngân sách :	“	1.565	2.539	162	
	- Thuế GTGT	“	1.262	2.080	165	
	- Thuế TNDN	“	300	456	152	
	- Thuế môn bài	“	3	3	100	

Trong năm 2013 UBND tỉnh Phú Yên chỉ đạo Công ty đình chỉ hoạt động và giải thể chi nhánh Tp.HCM chỉ tập trung hoạt động dịch vụ Cảng biển, với số liệu trên cho thấy xu hướng sản lượng thông qua Cảng ngày càng tăng, tuy nhiên với công suất thiết kế của Cảng chỉ 250.000 tấn/năm, thực tế khai thác hiện nay đã quá công suất thiết kế cho phép gấp 02 lần chưa đáp ứng nhu cầu hàng hóa muốn thông qua cảng, nhận định nếu được đầu tư về mở rộng cầu cảng, trang bị thêm máy móc thiết bị, tăng năng lực xếp dỡ thì sản lượng hàng hóa thông qua cảng hàng năm tăng từ 15-20%.

1.2 Tình hình tài chính:

Do phát sinh công nợ tại Chi nhánh Tp HCM trên 50 tỷ dẫn đến vốn công ty bị chiếm dụng, mất vốn, phát sinh nợ phải trả 02 khách hàng ở Tp HCM (5,5 tỷ) và nợ vay hai ngân hàng (32,4 tỷ) không có khả năng trả nợ. Tuy nhiên nếu thu hồi được công nợ của Công ty Đại Lộc (sau khi vụ án được xét xử), cùng với lợi nhuận hàng năm hoạt động kinh doanh Cảng, Công ty có phương án trả nợ (được duyệt) thì vẫn duy trì, phát triển hoạt động của cảng, hàng năm trả nợ, tình hình tài chính Công ty ngày càng ổn định và lành mạnh.

Về tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: Công ty đã tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế và hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch nhà nước giao.

Năm 2013 báo cáo tài chính của công ty đã được kiểm toán độc lập thực hiện về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo về tình hình hoạt động SXKD của Công ty và các vấn đề liên quan, kính trình UBND tỉnh và các ngành chức năng quan tâm, giúp đỡ và tháo gỡ những khó khăn trong giai đoạn hiện nay, tạo điều kiện để Công ty tiếp tục ổn định phát triển và bền vững trong thời gian tới, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Tỉnh giao.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Chủ tịch Công ty.
- KSV Công ty.
- Lưu VT + KTTK.

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC *HL*


Huỳnh Xuân Minh

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

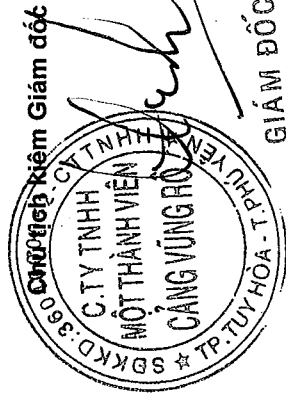
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư				Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Thực hiện đến ngày 30/6/20.. hoặc 31/12/20.. (Triệu đồng)				Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng (Tr. đ)			
			Tổng	Vốn tự có	%	Vốn huy động		%	Bên cho vay	Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Kỳ trước chuyển sang		Thực hiện đến hết ngày..	Thực hiện hết ngày..	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Các dự án nhóm A																	
1																		
2																		
B	Các dự án nhóm B																	
1																		
2																		
C	Các dự án khác		323	323														323
1	Xe ô tô tải BKS: 78C-02141		102	102														102
2	Xe ô tô tải BKS: 78C-01973		116	116														116
3	Gàu ngoạm 02 dây (2.3m ³)		105	105														105

GHI CHÚ: Số liệu từ cột (2) đến cột (12) theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền

Người lập

Nguyễn Thành Trí
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thành Trí



Nguyễn Xuân Minh
GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH BẢO TOÀN VỐN VÀ PHÁT TRIỂN VỐN NĂM 2013

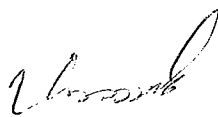
(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
A. Vốn chủ sở hữu, trong đó:			
	60.958	62.290	1,02
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.673	55.673	
2. Quỹ đầu tư phát triển	5.285	6.617	
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
B. Tổng tài sản	134.217	103.941	
C. Lợi nhuận sau thuế	2.476	0	
D. Hiệu quả sử dụng vốn			1,0
1. Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROA)	4,1	-	X
Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROE)	1,8	-	X

Ghi chú: Thông tin lấy từ báo cáo tài chính của Công ty mẹ

Người lập biểu



 KẾ TOÁN TRƯỞNG
 Nguyễn Thành Trí


Chủ tịch kiêm Giám đốc

 GIÁM ĐỐC
 Huỳnh Duân Minh

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Thông tư số 158/2013/TT-BTC ngày 13/11/2013 của Bộ Tài chính)

Đơn: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Thực hiện năm X		Biên động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Cùng kỳ năm 2011	Cùng kỳ năm 2012	Kế hoạch năm
			[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng hàng hóa qua cảng(tấn)	417.446,71	399.874,65	440.000	482.788,61	1,2	1,2	1,1
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ	9.155	2.908		273	0,0	0,1	
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.882	83.640	23.100	30.220	0,3	0,4	1,3
Các khoản giảm trừ doanh thu							
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.882	83.640		30.220	0,3	0,4	
4. Giá vốn hàng bán	110.967	75.975		19.424	0,2	0,3	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.915	7.665		10.796	1,8	1,4	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	7.316	8.623		479	0,1	0,1	
7. Chi phí tài chính	7.335	6.606		2.936	0,4	0,4	
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.955	7.053		8.340	1,7	1,2	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	941	2.629		-1	0,0	0,0	
11. Thu nhập khác	48	450		1	0,0	0,0	
12. Chi phí khác	71	77			0,0	0,0	
13. Lợi nhuận khác	-23	373		1	0,0	0,0	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	918	3.002	1.200	0	0,0	0,0	0,0
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	176	525			0,0	0,0	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	742	2.477		0	0,0	0,0	

GHI CHÚ: Cột (1), (2) : Theo Báo cáo tài chính các năm trước liền kề năm Báo cáo.
Thông tin về chỉ tiêu tài chính lấy từ báo cáo tài chính công ty mẹ.

Người lập biểu

Nguyễn Thành Trí
KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Thành Trí

